

NHỮNG NĂM TẬP SỰ

*Thơ quả thực là mang một thiên chức lớn!
Vui hay là thảm đạm, thơ bao giờ cũng mang
trong mình nó tính ảo tưởng thần thánh. Nó luôn
luôn phủ nhận thực tế. Trong nhà ngục, nó là sự
nổi loạn; bên cửa sổ nhà thương, nó là niềm hy
vọng cháy bỏng vào sự lành bệnh; nó không chỉ
ghi nhận mà còn uốn nắn lại cái thực tế.
Ở đâu đâu nó cũng là sự phủ nhận bất công.*

CHARLES BAUDELAIRE

Một trong những chị họ của tôi, một đoá hoa đẹp đồng quê đích thực, đã "ra tinh" lấy chồng là một anh nhân viên của hãng Descours et Cabaud, một công ty buôn bán hàng kim khí. Chị là con người dễ thương, cờ bạc, hơi lảng nữa; chị ta quý tôi lắm. Chị ta nhận cho tôi ở trọ với giá tám đồng một tháng, khi vào tháng chín 1926, tôi rời làng xuống Sài Gòn thi một lần nữa để thi lấy học bổng. Nơi tôi đổ bộ là một thành phố đang rung chuyển không khí nổi loạn.

Quanh tôi người ta xì xào một cách kính cẩn cái tên Nguyễn An Ninh. Ông ta đã bị bỏ tù ba ngày sau một cuộc mit tinh đáng ghi nhớ ở giữa Sài Gòn.

Hôm chủ nhật 21 tháng ba 1926, từ hai đến ba nghìn người đã theo lời kêu gọi của một lá truyền đơn kéo nhau đến để phản

đòi việc trực xuất một nhà báo ra Trung Kỳ. Từ sáng sớm, mặc dâu cảnh sát vây khắp các ngả, anh em cu li, viên chức, thợ thuyền, học sinh lũ lượt đổ về phố Lanzarotte. Tại Vườn Xoài là nơi diễn ra cuộc tập hợp, người đứng chật cứng không cựa được nữa, các cành xoài gãy rãng rắc dưới sức nặng của những đám trai trẻ trèo lên ngồi dự mít tinh. Trong cảnh chen vai thích cánh ấy, tất cả đám dân nghèo Sài Gòn hét lên sự phẫn nộ của mình, lên án những biện pháp trực xuất, đòi tự do báo chí, đòi giáo dục tự do, đòi tự do hội họp và di lại, đòi hủy bỏ nhục hình.

Ba hôm sau, một cuộc tập hợp mới trên bến cảng, tổ chức đón Bùi Quang Chiêu, lãnh tụ đảng Lập hiến (quốc gia ôn hoà) ở Pháp trở về nước, đã biến thành một cuộc biểu dương lực lượng khổng lồ bày tỏ lòng giận dữ trước tin Nguyễn An Ninh đã bị bắt sau cuộc mít tinh. Đường vào cảng và các phố xá lân cận tràn ngập những người, trong khi các bàn giấy công sở, các cửa hiệu, các xưởng máy lục tục đóng cửa. Nhà chức trách kìm tàu lại mãi đến 21 giờ mới cho cập bến. Nhưng đám đông chẳng giải tán mà lại cứ tăng lên mãi. Đám thanh niên của tờ báo *Jeune Annam* và khoảng tám trăm công nhân xưởng đóng tàu Ba Son vây quanh lấy Bùi Quang Chiêu khi ông ta xuống bến, để bảo vệ ông chống lại bọn biểu tình phản đối do chủ báo *L'Impartial* của de la Chevrotière huy động, chúng hét lên: "Giết ! Giết !", và từ đám đông những người biểu tình hộ tống ông Chiêu qua các đường phố về tối tận trụ sở đảng Lập hiến, vang lên những lời hô: "Trả tự do cho Nguyễn An Ninh !"

Cũng chính trong ngày 24 tháng ba 1926 ấy ông già Phan Châu Trinh qua đời, sau một cuộc đời đấu tranh không khoan nhượng chống lại các "nhà khai hoá". Bị kết án tử hình năm

1908 sau cuộc nổi dậy của nông dân Trung Kỳ, nhờ có sự can thiệp của Hội Nhân quyền, ông chỉ bị đày ra Côn Đảo, rồi đến năm 1911 bị trục xuất sang Pháp. Trở về nước, với bệnh ho lao tàn phá cơ thể, ông đã tắt thở sau mười tám năm tù đày và biệt xứ ấy.

Cái chết ấy, cộng thêm với vụ bắt bớ Nguyễn An Ninh đã đưa sự công phẫn của dân chúng lên tới cùng cực. Hàng nghìn hàng vạn đàn ông, đàn bà, thanh niên trai trẻ, bất chấp cảnh sát có mặt khắp nơi, tuần hành trên phố Pellerin trong bảy tám ngày liền đến thắp hương viếng người quá cố. Ngày 4 tháng tư 1926, đám tang của ông biến thành một cuộc biểu dương lực lượng khổng lồ chống lại các ông chủ. Quanh xe tang, chen chúc nhau những anh em phu và thợ các nhà máy xay Chợ Lớn bỏ việc để đi đưa tang, học sinh trong thành phố và từ các tỉnh kéo về, công nhân, viên chức xuống tàu binh Ba Son, bà con nông dân Bà Điểm và Hóc Môn.

Ngày 24 tháng tư 1926, trong cuộc xét xử Nguyễn An Ninh lần đầu, được tin ông bị kết án mười tám tháng tù giam, học sinh Sài Gòn, học sinh trường tiểu học Phú Lâm (Chợ Lớn) và ở khắp nơi (các tỉnh Bến Tre, Mỹ Tho, Vĩnh Long, Cần Thơ) bãi khoá hàng loạt. Hơn một nghìn học sinh đã bị đuổi học.

Từ tháng chín 1926 đến tháng năm 1927, tôi học trường tiểu học. Nhưng lúc ấy tôi đã mươi bốn tuổi, tám đồng tiền trợ học hàng tháng – một gánh quá nặng đối với mẹ tôi – làm tôi băn khoăn và nhận cơ hội hằng Descours et Cabaud cần người, tôi xin vào làm một chân thư ký. Tôi được trả lương 35 đồng, đủ sống không đến nỗi nhếch nhác. Hồi ấy, phu phen chỉ kiếm được 15 đồng, nhiều lắm là 18. Đến lượt tôi phải giúp đỡ mẹ,

trừ những lần, xảy ra hơi nhiều, chị họ tôi tới van nài, thường là vào lúc nửa đêm, cho chị ta vay tiền, để rồi chị đem nướng sạch ở sòng bạc. Do đó rốt cuộc tôi phải rời nhà chị đi trọ nơi khác.

Kết thúc học hành rồi, tôi tiếp tục đọc tất cả những cái gì tôi vớ được. Tôi mua sách cũ ở cửa hàng các chú Khách trước cửa ga Sài Gòn, nơi người Pháp đến bán sách khi họ trở về nước. Tôi ngẫu nhiên tất cả tạp chí lù, sách khoa học hoặc lịch sử, và cả sách triết học. Chính vì thế mà một hôm tôi rất phấn khởi phát hiện ra Rousseau :

Kẻ chuyên chế chỉ là ông chủ chừng nào hắn là người mạnh nhất. Chỉ có sức mạnh mới duy trì được hắn yên vị, và chỉ có sức mạnh mới lật đổ được hắn xuống.

Sếp của tôi, một người Pháp lai trẻ tuổi không thích đọc sách, cho tôi những cuốn sách "phản thưởng" của anh ta. Có một cuốn của Charles Baudelaire, *Les Fleurs du Mal* (Những bông hoa tội lỗi), sách đẹp, gáy mạ vàng. Tôi chẳng biết gì về tác giả và về thời đại của ông ta, nhưng khi tôi đọc thấy rằng ông ta bị lên án vì đã "xúc phạm đến đạo đức công cộng và đến thuần phong mỹ tục" và đã bị cơ quan kiểm duyệt đánh, quá quen thuộc với dân tộc thuộc địa chúng ta, thì tôi dám ra rất có cảm tình với ông. Và trong một cuộc cách mạng, cách mạng 1848, hình như người ta đã trông thấy ông trong đám những người vào cướp một xưởng vũ khí, tay cầm một khẩu súng trường, mồm hét: "Phải đi bắn chết tướng Aupick !"

Và tôi cũng không quên cuốn *Chanson des Gueux* (Bài ca dân khốn khổ) của Jean Richepin với những bức tranh khắc rất đẹp phủ giấy pelure. Tôi nhớ như in hình ảnh lão Dê xồm già

đáng kính, với hai thằng nhỏ đồng quê khổ rách cười trên cái lưng xương xẩu của lão, lão có vẻ như đang cười với hai đứa trẻ và thủng thỉnh bước đi, tránh cho hai đứa khỏi ngã. Làm tôi xúc động nhất là hai câu thơ thống thiết đặt thay vào chỗ bị kiểm duyệt bỏ của bài "Bản tình ca dân nghèo":

*Ở chỗ này có hai kẻ khổ rách yêu nhau thăm thiết
Và vì thế mà tôi đã bị tống ngục ba mươi ngày biến biệt*

Một anh đồng nghiệp, có học hơn tôi, đã tin tôi, tuôn ngầm cho tôi cuốn *Chuyện những người âm mưu An nam ở Paris*, hay là *Sự thật về Đông Dương* của Phan Văn Trường. Trong cuốn sách đó, tác giả vạch ra những mưu mô của chính phủ Pháp chống lại ông và Phan Châu Trinh ở Paris hồi năm 1914. Ông làm cho tôi sáng tỏ về "cái nghề làm người An nam", nghĩa là cái thái độ bắt buộc phải lập lờ hai mặt của người dân thuộc địa, điều đó làm cho máu nổi loạn sôi lên trong tôi và đầu tôi bốc lên bừng bừng.

Người ta bảo là người An nam ít nói và bụng dạ kín như bưng. Nhưng nước Pháp, là Đất nước của tự do tư tưởng, đã có bao giờ để dân An nam được tự do trình bày ý nghĩ và tình cảm của họ không? Người ta còn nói: người An nam giáo quyết và man trá. Nhưng khi người An nam dám bạo gan nói lên sự thật, và sự thật đó khó nghe, thì người ta khoá mõm anh ta lại, hành hạ anh ta, nghiền anh ta ra thành từng mảnh. Người ta cũng lại còn nói: người An nam khum núm, nịnh hót, hèn hạ. Có thể như vậy. Nhưng khi anh ta dám cho phép mình tỏ ra kiêu hãnh và

muốn giữ nhân phẩm thì người ta lại la lên là hơm hĩnh, muốn làm loạn, và lôi anh ta ra trừng trị. Để kết luận, phải nói rằng cái nghề làm người An nam là một nghề thật là bạc bẽo.

Tôi bắt đầu theo dõi sát tin tức những phong trào cách mạng bí mật. Vụ đầu tiên làm tôi chú ý là vụ phố Barbier. Sáng hôm mồng 9 tháng chạp 1928, Sở Liêm phóng phát hiện thấy ở căn hộ số 5 phố Barbier, Sài Gòn, một xác đàn ông chết, mặt mũi đã bị biến dạng. Phát hiện đó mở màn cho một cuộc bối rối lớn trong các tổ chức ngầm của "Thanh niên Cách mạng đồng chí hội" và của "Việt Nam Quốc dân đảng". Tôi đạp xe qua nơi xảy ra tấn thảm kịch.

Tại nơi trú mới của tôi, tôi có một người bạn ở cùng phòng nhiều tuổi hơn tên là Phùng, làm kế toán ở Thảo cầm viên. Là y tá cũ của đồn điền cao su, anh giảng giải cho tôi biết cách cấp cứu người ra làm sao. Anh ta tính tò mò, hơi nhút nhát, nhưng nếu anh không phải là có tinh thần thực sự nổi loạn thì anh lại cho tôi mượn một cuốn sách cấm, xuất bản năm 1929, *Ngôi tù Khám Lớn*, của Phan Văn Hùm, kể chuyện cuộc sống và đấu tranh trong tù của Ninh và Hùm. Tôi đọc và được biết rằng khi ở Pháp về năm 1923, ông Ninh đã từ chối một chân trong đoàn luật sư Sài Gòn kèm theo một suất đất mà thống sứ Cognacq đề xuất với ông. Tôi thật là yêu quý những người đã tự nguyện từ chối nhập vào cái xã hội thực dân, biến mình thành công chức, để ở lại kề vai sát cánh với những người thấp cổ bé họng chẳng có chức tước gì! Tôi lại càng để tâm theo dõi tình hình, cắt những bài báo tàng trữ lại trong một hộp giày: không khí sặc mùi cảnh sát, thiên hạ thì hay tò mò, và anh bạn Phùng của tôi sợ chết khiếp.

Trong các tháng mười, tháng mười một và tháng chạp năm 1928, theo những lời tố cáo và những lời khai thu được bằng tra tấn, hàng trăm bà con nông thôn đã bị bắt, bị tình nghi tham gia "Hội kín Nguyễn An Ninh", một hội ma.

Tôi thán phục trước sự phản ứng hết sức táo bạo của Phạm Văn Kim, một người chạc 35 tuổi, cải trang thành người Tàu, đã lọt vào tòa án bắn viên quan tòa Nadaillat. Bị bắt, ông ta tuyên bố không phải chỉ định bắn chết viên quan tòa mà còn định bắn cả viên quan biện lý và quan kiểm sự nữa.

Phiên tòa xử Nguyễn An Ninh lần thứ hai mở vào ngày mồng 8 tháng năm 1929, xử cùng với Hùm và hơn một trăm nông dân và người làm công nhật bị coi là can phạm. Chiều ngày 28 tháng chín 1928, Phan Văn Hùm bị bọn cảnh sát xé giấy ở gân ga Bến Lức và thu hết giấy tờ của anh. Anh đã phản đối và đã bị tên cai đánh cho một roi gân bò. Ninh đã phản ứng lại bằng đấm đá. Hùm bị tống ngay vào nhà giam. Vài hôm sau, Ninh đã tự dẫn thân đến nộp mạng.

Ngày xử án, lính gác vây kín tòa án. Ninh tới, đi chân đất, mặc bộ bà ba đen của bà con nông dân An nam. Hơn một trăm người lọt được vào trong phòng xử án. Bắt đầu phiên tòa thì họ bị trục xuất hết, toà xử kín. Mặc dù trong đâm can phạm, không có ai "nhận" ông, Nguyễn An Ninh vẫn bị cái án tù giam hơn một nghìn ngày kèm theo phạt 1000 phrăng vì tội tổ chức hội kín; Phan Văn Hùm bị tám tháng tù giam và 500 phrăng tiền phạt; những người khác thì từ hai tháng đến bốn năm tù.

Tháng hai 1928, ở Hà Nội, Bazin, Giám đốc Sở Mộ phu cho đôn điền cao su – hắn được thưởng 10 đồng với một người phu mộ được – bị hạ sát bằng súng lục; Lê Văn Sanh, học sinh

trung học, vốn đã bị theo dõi vì đi rải truyền đơn chống mợ phu, đã bị bắt.

Phùng kể cho tôi nghe những điều tai nghe mắt thấy trong các đồn điền cao su rừng thiêng nước độc, muỗi như trấu, ở đó anh ta đã chữa chạy cho các người phu mắc chứng "sốt rét rừng" đôi lúc dẫn đến chết. Anh kể cho tôi nghe những chuyện đánh đậm, giam cầm trong ngục thất riêng của đồn điền, chuyện dối, không được phép hủy hợp đồng, bỏ trốn bị bắt lại và tra tấn. Điều kiện sống và làm việc ở đó khốc liệt đến nỗi hàng năm có đến 40% người bị chết.

Năm 1927, tại đồn điền cao su Michelin ở Phú Riềng, khoảng một trăm người phu đã hội họp kín ăn thề với nhau, và đã hạ sát một tên cai người Pháp khét tiếng tàn bạo. Và thế là đã diễn ra một cuộc săn người hết sức dã man. Bảy mươi người bị bắt, những người khác thì chết đói chết dùi trong rừng trong một cuộc chiến đấu chống lại bọn đao phủ hoặc bị thú rừng ăn thịt, khi không phải là chết đói hoặc chết vì sốt rét.



Năm 1930 là năm nổi dậy đáng ghi nhớ của đồn binh Yên Bai, ở đó có khoảng hai chục viên sĩ quan Pháp chỉ huy khoảng một nghìn lính dông Bắc Kỳ. Đêm mồng 9 tháng hai, giữa Tết năm Ngọ, binh lính đã nổi dậy và làm chủ đồn binh suốt đêm. Đến sáng, các sĩ quan Pháp còn sống sót đã nấm lại được tình thế. Khoảng 26 binh lính nổi loạn và 25 thường dân tham gia đã rơi vào tay chúng.

Tôi theo dõi tấn thảm kịch từng ngày. Năm máy bay, sau khi trút dầm chục quả bom xuống làng, đã xả liên thanh bắn phá Cổ Am và xóm làng lân cận. Đoàn quân lính khổng lồ càn

quét đốt phá khắp Kiến Thụy, Tiên Lãng và An Lão. Nhà cửa, chùa chiền, miếu mạo, cây cối tre pheo biến hết ra tro.

Từ tháng hai đến tháng tư 1930, 2000 người đã bị bắt. Tại Yên Bai 3 thủ cấp người nổi dậy rụng vào tháng năm, 13 vào tháng sáu, tại Phú Thọ, 5 phạm nhân bị chặt đầu vào tháng mười một. Và còn bao nhiêu vụ án mạng hợp pháp nữa nằm trong bóng tối...

Năm 1931, tôi đọc ngấu nghiến cuốn *Việt Nam, tấn thảm kịch Đông Dương* của Louis Roubaud, cuốn sách vừa tới Sài Gòn đã bị người ta xâu xé nhau đọc. Và câu chuyện đã làm cho tôi lường được một cách chính xác hơn tất cả tầm rộng lớn của cuộc nổi dậy, nhen nhóm ở Yên Bai, đã bùng cháy ngay đêm hôm đó lan ra nhiều nơi khác miền chầu thổ sông Hồng: Lâm Thao, Hưng Hóa, Hà Nội, và mấy hôm sau là Phụ Dực và Vĩnh Bảo.

Sáng mồng 1 tháng năm, đạp xe đi làm, tôi bị chết kẹt trong cuộc săn đuổi rất đau lòng những người "không có các". Đó là thời điểm hết hạn đóng thuế thân, và trên các đường phố Sài Gòn-Chợ Lớn, khi mọi người phu phen, thợ thuyền, viên chức, đang trên đường đi làm thì bọn cò cầm truy bắt đòi phải trình thẻ thuế thân, cũng được coi như thẻ cǎn cước. Những ai không có các hợp lệ thì lập tức bị đẩy lên xe cam nhông của Sở Liêm phóng xuất hiện ở tất cả các góc phố.

Ở nông thôn, bọn hương lý và tuần định cũng tiến hành việc truy bắt như vậy. Lực điền làm thuê công nhật hoặc làm thuê theo mùa và nông dân nghèo sống trong sợ hãi. Khi còn học ở trường làng, tôi đã từng trông thấy những người dân đen khổn khổ ấy ngồi ở Nhà hội làng, hai chân đút trong cùm, vì "thiếu thuế".

Thuế nhân khẩu, được gọi là thuế thân, đánh vào mọi người phu phen hoặc nông dân tuổi từ mười tám đến sáu mươi, bằng cái mà người ta kiếm được trong một tháng làm ăn. Những người nghèo, kiệt quệ từ hồi khủng hoảng năm 1929, chẳng còn gì để đóng được thuế. Và ở Nam Kỳ, theo quy chế Dân bản xứ, chỉ chậm đóng thuế là đủ để bỏ tù và phạt tiền.

Anh bạn cùng làm với tôi ở *Descours et Cabaud* tuôn cho tôi một tờ *Cờ đỏ* in kẽm. Tôi gạn ở trong tờ báo đó ra những tin tức về những đoàn nông dân tuyệt vọng, mặc dù đạn bắn và bắt bớ là thế, vẫn cứ không ngừng tập hợp lại hầu như khắp nơi trên đất Nam Kỳ – ví như những cuộc tuần hành hồi tháng năm của nông dân ở Cao Lãnh, Ô Môn và Chợ Mới, dẫn đầu là đàn bà và trẻ con, đòi giảm thuế thân, đòi hoãn thuế, đòi trả lương cho những ngày đi làm cỏ vê, và cuối cùng, đòi tịch thu kho lúa tích trữ của địa chủ chia cho nông dân nghèo. Đó là chuyện chưa từng thấy kể từ những cuộc nổi dậy của dân quê năm 1916.

Tại cái nơi sau này được gọi là vùng ngoại ô đỏ của Sài Gòn, máu đã chảy : khoảng một chục nông dân bị giết và nhiều người khác bị thương.

Đồng một lòng với những nông dân chết đói, tôi rung động trước những tin rủa hận của họ. Tháng bảy 1930, ở làng Tân Tạo gần Chợ Lớn, tên hương trưởng Huot bị "ăn đạn súng lục". Cuối tháng tám, nông dân tấn công nhiều Nhà hội làng, nơi đám kỳ hào đang hội họp. Họ đập phá các Nhà hội Xuân Thới Tây, Tân Trụ, Long Sơn, Châu Thới và Châu Bình. Tại Tân Hữu, họ tưới dầu đốt hết sổ sách.

Tại Trung Kỳ, ngày mồng 1 tháng năm 1930, 1500 nông dân vùng xung quanh Vinh lặng lẽ tuần hành, không cờ,

không biếu ngữ, không vũ khí, tiến về phía nhà máy diêm Bến Thủy để bày tỏ tình đoàn kết với công nhân. Viên chỉ huy lính khố xanh bố trí ba mươi người trong nhà máy và ra lệnh bắn. Sau đó, người ta nhặt được trong đám người tuần hành 15 người chết và vô số người bị thương. Ở thôn Hạnh Lam (Thanh Chương), nông dân tập hợp lại để giữ những ruộng công điền chống lại sự ăn cướp của một tên địa chủ muốn làm vuông vức đất đai của hòn bằng đất công của làng. Vẫn lại cái cảnh giết chóc : 16 người chết và 15 người bị thương. Các thôn Yên Tha và Yên Phúc bị đốt cháy.

Phong trào mỗi lúc một mở rộng trên đất Trung Kỳ, và bắt đầu từ tháng chín có chiêu hướng chuyển thành khởi nghĩa. Những người nổi dậy tấn công các huyện lỵ Nam Đàn, Đô Lương, Thanh Chương, Nghi Lộc (Nghệ An), Can Lộc, Kỳ Anh và Hương Sơn (Hà Tĩnh), cắt đường dây điện thoại, đánh phá các đồn lính döng, thả tù, đốt các nhà ga, nhà thờ, giết những tên quan lại và kỳ hào bị nhân dân căm ghét. Hai huyện Thanh Chương và Nam Đàn hoàn toàn nổi loạn. Bọn lính döng không dám mò vào các làng nữa. Đến tháng mười, cuộc nổi dậy lan tới miền trung Trung Kỳ : các huyện lỵ Đức Phổ và Sơn Tịnh (Quảng Ngãi) bị đập phá.

Tại các xóm làng của tỉnh Nghệ An, nơi bọn kỳ hào và hương dũng đã bỏ chạy, các hội nông dân từ tháng chín đã tổ chức thành các xô viết, nắm trong tay công việc hành chính và trong khi không đụng chạm gì đến sở hữu ruộng đất, đã tiến hành chia những ruộng đất công bị chiếm đoạt, tịch thu những kho thóc tích trữ chia cho những người thiếu đói, tổ chức công việc đồng áng tập thể, xoá bỏ sưu thuế, bắt địa chủ giảm tô, và khởi đầu một phong trào xoá nạn mù chữ. Những xô viết như

thế lan rộng ra trong tỉnh Hà Tĩnh, ở Can Lộc, Thạch Hà và Hương Sơn.

Cuộc đàm áp diễn ra ngang tầm với cuộc khởi nghĩa: máy bay ném bom và bắn phá để giải tán những cuộc tụ tập. Lính lê dương, bộ binh thuộc địa và lính dông đốt phá làng xóm, bắn giết dân làng bỏ chạy, treo cổ những người bị bắt.

Ngày 12 tháng chín 1930, chết chóc từ trên trời trút xuống: sáu quả bom từ máy bay thả xuống giết chết hơn 200 người biểu tình ở Hưng Nguyên, cách Vinh 3 cây số.

Tuy nhiên, nhân dịp kỷ niệm năm thứ mươi ba cách mạng Nga, ngày mồng 7 tháng mười một 1930, 1500 chiến sĩ cách mạng đã xung phong đánh chiếm thành Phủ Diễn (Nghệ An), và 600 người tiến đánh bốt Can Lộc (Hà Tĩnh).

Đầu năm 1931, những người nổi dậy đã giết chết tên tri huyện Nghi Lộc và quẳng bọn lính dông đi tháp tùng xuống sông. Cuộc trấn áp làm 30 nông dân bị tàn sát, 200 người bị bắt. Tại tỉnh Quảng Ngãi liên tiếp xảy ra các cuộc mit tinh và tuần hành ở các huyện lỵ, như ở Sơn Tịnh, Mộ Đức và ở tỉnh lỵ.

Tại Nam Kỳ, vào tháng ba 1931, nông dân đánh phá các đồn cảnh sát, căng dây kẽm gai ngang đường, chặt đổ cây cối chắn ngang đường cái, đào rãnh đặt bàn chông làm nổ lốp xe ô tô chở viện binh đến.

Trong thành phố, vài hôm trước ngày mồng 1 tháng năm 1930, ban đêm truyền đơn đã rải khắp các chợ và công xưởng Sài Gòn kêu gọi công nhân đình công đòi ngày làm tám giờ. Những bǎndorôn đỏ:

VÔ SẢN VÀ CÁC DÂN TỘC BỊ ÁP BỨC TOÀN THẾ GIỚI,
HÃY ĐOÀN KẾT LẠI! THÚC HIỆN CHẾ ĐỘ NGÀY LÀM TÁM

GIỜ! ĐẢ ĐẢO ĐẾ QUỐC PHÁP! CÔNG NHÂN, NÔNG DÂN VÀ BINH LÍNH HÃY ĐOÀN KẾT LẠI! ĐẢNG CỘNG SẢN ĐÔNG DUƠNG... ban đêm đã xuất hiện trước sở dầu Pháp – Á và sở dầu Standard Oil.

Ngày mồng 1 tháng năm, toàn bộ 250 phu và thợ của nhà máy điện Chợ Quán bãi công. Một hành động gần như là anh hùng trong khung cảnh khủng hoảng kinh tế và đàn áp.

Ngày 13 tháng giêng 1931, nổ ra cuộc đình công của 80 phu sở dầu Standard Oil ở Nhà Bè để phản đối việc sa thải một anh em. Bandelorion xuất hiện tại các quận Đa Kao, Tân Định và Khánh Hội. Tại Sài Gòn, hôm chủ nhật mồng tám tháng hai 1931, vào lúc tan một trận đá bóng, một người diễn thuyết đã nhảy lên kêu gọi vô sản in kẽm được rải khắp nơi.

Trong tháng ba và tháng tư 1931, ở Trung Kỳ và Bắc Kỳ, các ủy ban và các chi bộ bị kẻ thù phá vỡ. Chỉ riêng ngày mồng 1 tháng năm 1931 đã có hơn 500 người biểu tình bị tàn sát ở Trung Kỳ. Dân dân, phong trào tan rã trong đám dân chúng khốn đốn không những bởi sự đàn áp và cả một nạn đói天堂.

Từ tháng năm 1930 đến tháng sáu 1931, tôi đã thống kê được qua báo chí hơn một trăm hai mươi cuộc diễu hành của nông dân và hơn hai mươi phong trào bãi công ở Nam Kỳ.

Tại xứ Nam Kỳ đang sôi sục phong trào nông dân, ngày 15 tháng bảy ở Sài Gòn đã mở ra phiên tòa được gọi là phiên tòa xử vụ án mạng ở phố Barbier, trong đó 31 đảng viên và người cảm tình của đảng Thanh Niên bị coi là can phạm. Phiên tòa đại hình ấy đồng thời xử cả 17 chiến sĩ của các tổ chức yêu nước bí mật khác.

Đối với tôi, phiên tòa đã vén lên bức màn bí mật xung quanh cái xác chết, mặt bị biến dạng mà sở Liêm phóng đã

phát hiện ra hồi tháng chạp 1928, cũng như phát hiện cho tôi biết rằng tại Nam Kỳ, có chân rết của các chính đảng quốc gia bí mật Trung Kỳ (đảng Tân Việt) và Bắc Kỳ (Việt Nam Quốc dân đảng – VNQĐĐ). Tôi bị xúc động mạnh vì bản tuyên án : tử hình cho ba người trẻ tuổi của đảng Thanh Niên – Ngô Thiêm, 22 tuổi, Nguyễn Văn Thinh, 24 tuổi, và Trần Trương, 27 tuổi – hai mươi năm tù khổ sai cho Tôn Đức Thắng, người chủ mưu vụ ám sát, và tám năm cho Nguyễn Trung Nguyệt, 22 tuổi, một trong hai người phụ nữ can phạm sau này tôi đã có dịp tiếp xúc trong Khám Lớn.

Đêm 20 rạng ngày 21, máy chém được dựng lên trước cửa Khám Lớn Sài Gòn cho ba án tử hình; các phố tiếp giáp có hàng rào cảnh sát chặn. Trong những giờ và những ngày tiếp sau đó, bên trong nhà tù, các tù nhân chính trị – nam và nữ – gào thét lên : "Đá đảo khủng bố trắng ! Đá đảo đế quốc Pháp !" Cho tới khi bị vòi chữa cháy, gậy gộc và cùm kẹp khống chế mới thôi. Rạng sáng ngày 20 tháng mười một 1931, đến lượt anh thiếu niên Huy (Lý Tự Trọng) bị chặt đầu vì bị coi là can tội giết tên cò Legrand. Tù nhân phản đối rầm rộ, gây náo động vượt ra ngoài tường nhà tù làm cả khu phố xôn xao. Cuộc đòn áp diễn ra tàn bạo.

Ở Thị Nghè, gần Sài Gòn, được dựng lên những trại giam mới bằng nứa lá giam lũ lượt những người mà Khám Lớn đã chặt ních không chứa nổi nữa.

Tôi đút báo chí và truyền đơn bí mật vào trong tay lái xe đạp đem về làng ngày chủ nhật đọc cho bà con nông dân nghe. Rồi tôi cho vào trong một cái chai đem giấu ngoài bờ tre.

Sau giờ làm việc tôi lại ra thư viện Sài Gòn, dùng tên giả, mượn tác phẩm của Marx để đọc. Cuốn *Tư bản* tôi lần đọc rất

vết vẩy. Tôi chủ yếu là ngẫu nghiến những đoạn nêu lên những sự việc cụ thể về sự dã man của chủ nghĩa tư bản.

Tôi đã gửi cho một tờ báo An nam một bài thơ có xu hướng sâu bi, "Biển cả chiều hôm" và vài mẩu chuyện đồng quê ngắn ngắt rút ra từ cuộc sống cực nhọc của những người chân lấm tay bùn. Vài bạn đồng nghiệp đã tế nhị tỏ ra ngạc nhiên. Và một người trong đám họ, Phan Khánh Vân, kể cho tôi nghe về những sách anh đã đọc ở trường trung học Mỹ Tho: Balzac, Victor Hugo, Madame de Staël. Anh đã viết một cuốn tiểu thuyết, và khi đến đưa cho tờ báo tư sản *Nam Nữ giới chung*, anh gấp một cây bút biên tập của tòa báo, Hồ Hữu Tường. Trong dịp ấy, anh đã kể cho ông ta chuyện tôi thử dịch "*Tuyên ngôn cộng sản*". Ngạc nhiên trước cái trò tiêu khiển ấy, Hồ Hữu Tường ngỏ ý muốn gấp tôi. Mới gấp, ông đã tỏ rõ ngay thái độ tin cậy và hẹn với tôi cuộc gấp đầu tiên: một góc khuất ở Sở Thú, phía đằng sau cái hàng rào có mấy con nai đứng gặm cỏ.

Dẫn dắt tôi vào cuộc đời hoạt động bí mật, ông giới thiệu tôi với Anh Già để tôi cùng "làm việc". Là một con người còm nhom, Anh Già có vẻ già nua hơn tuổi. Chúng tôi thân nhau khá nhanh. Chúng tôi thường ngồi với nhau trên những bãi cỏ hoang ít người qua lại, cùng nhau bàn bạc trao đổi.

Một hôm, anh đưa cho tôi vài quyển sổ khổ bỏ túi, chữ viết tay, in thạch màu mực tím. Đó là tạp chí *Tháng Mười*, cơ quan lý luận của phe "Tả đối lập". Trong tạp chí đó, phe đối lập phê phán đảng cộng sản, coi đó là một đảng có tính chất nông dân hơn là công nhân, mà đa số các nhà lãnh đạo gồm những người "từ Moscou về" và nông dân nhiều hơn công nhân. *Tháng Mười* đưa ra vấn đề cần phải "bám chặt" cơ sở

công nhân ở thành phố và xây dựng một "đảng quân chung", bác bỏ kiểu người làm cách mạng chuyên nghiệp đào tạo trong trường học theo kiểu Stalin.

Tiếc rằng ở nơi làm việc, tôi hầu như không có ai để bàn bạc trao đổi về tình hình thời sự: anh em phu, lái xe tải, viên chức có vẻ không quan tâm đến tình hình, kể cả anh bạn thỉnh thoảng vẫn díu cho tôi báo chí và truyền đơn cộng sản. Trong khi đó bàn tay sắt thực dân càng ngày càng tỏ ra hiện hữu và khiêu khích hơn. Trong bao nhiêu chuyện ngược đãi, dập vào óc tôi cái cảnh một tên cai người Pháp đấm đá một anh phu làm việc ở chỗ tôi.

Những từ "công hội" và "tranh đấu" làm người ta sợ, đang giữa thời kỳ khủng bố đàn áp. Tôi bèn nghĩ cách, cũng chẳng dễ dàng gì, kín đáo tập hợp hầu hết anh em phu phen và hai anh lái xe tải, thành một tổ chức ái hữu vừa để giúp đỡ nhau trong những trường hợp khó khăn, ốm đau bệnh tật, nhà có tang, vừa để duy trì trong các người cùng thân phận nô lệ một chút tình anh em tối thiểu. Chúng tôi hội họp lại mỗi lần nhiều nhất là vài ba chục anh em, một cách thận trọng, lần thì tại nhà người này ở ngoại ô, lần tại nhà người khác trong nội thành, dưới lý do sinh nhật, cưới xin, hoặc đơn giản nhân một ngày hội, vì sẽ bị coi là bất chính mọi cuộc hội họp trên 19 người mà không xin phép. Tôi giấu cuốn sổ ghi tiền đóng góp sau lằn vải lót chiếc mũ catket của tôi.

Một buổi sáng nọ, tôi ngạc nhiên một cách thú vị khi đến sở: anh em phu đến giờ mở cửa đã không chịu vào làm việc, cứ đứng ngoài đường. Đó là cuộc bãi công đầu tiên của những nhân viên lương thấp nhất của Descours et Cabaud trong khung cảnh khủng hoảng và thất nghiệp là cái dịch của những năm 1930.

Hôm sau, họ vẫn tụ tập, ngồi dưới hè bên kia của đại lộ La Somme, cách cổng ra vào cửa phu 100 mét, hình như đợi một tín hiệu gì của chủ. Tôi trao cho anh em những đồng xu quyên góp của hội ái hữu chúng tôi. Đến chiêu, họ quyết định vào và thông báo cho bọn Tây biết mình muốn gì. Đối diện với lão chủ chính Guyon, một lão hói cáu kỉnh, bệ vệ với cái bụng phệ của mình, và đằng sau lưng tôi là những người đình công, tôi đóng vai thông ngôn cho cuộc thương lượng. Bỗng lão sếp trực tiếp của tôi, lão Péret, một con người lùn mập, đôi lúc hay lên tiếng cha chú dạy bảo, xuất hiện, túm lấy cánh tay tôi, lôi sênh sêch đến tận trại làm việc của tôi ở toà nhà bên cạnh. Lão chọc ngón tay vào bụng tôi, quát: "Ngồi yên trong cái xó của mi, đồ con khỉ, có muốn bị đuổi cỏ ra đường không? Rõ chưa?"

Những người đình công đòi tăng lương và phản đối những sự đánh đập và chửi rủa. Ngay lúc bấy giờ thì bọn chủ nô không chịu nhượng bộ, nhưng đến kỳ lương tiếp đó thì những mức lương thấp nhất có được nâng lên chút đỉnh.

Năm 1932 mở đầu bằng cuộc kết án tử hình Huỳnh Văn Đảm bị coi là đã hạ sát một tên chỉ điểm. Anh ta sẽ bị lênh máy chém.

Năm khủng hoảng thứ ba. Những người làm công nhật của Sở Công Chính Sài Gòn phải nhận giảm lương một phần năm để đổi lấy việc không bị sa thải. Anh em cu li xe trước kia phải đóng một đồng lấy một môn bài có giá trị 4 năm thì bây giờ phải trả cũng một số tiền như thế cho một môn bài chỉ có giá trị trong một năm. Tại Gia Định, những con người bị dồn vào kiếp người – ngựa ấy bắt đầu đình công.

Từ tháng tám đến tháng mười một 1932, diễn ra các cuộc khám xét, bắt bớ ở Sài Gòn-Chợ Lớn và những cuộc bối ráp ở

các tỉnh. Khoảng sáu chục người thuộc nhóm bí mật "Đối lập cộng sản phái tả" và cũng gần ấy người của đảng cộng sản đang phục hồi tổ chức bị sa lưới. Những con số kinh khủng trong tờ *La Dépêche d'Indochine* số ngày mồng 2 tháng hai 1933 : trong số hơn 12 000 tù nhân chính trị bị bắt, có 88 người bị đưa lên máy chém. Gần 7 000 người chịu án tù hoặc đi đày. Khoảng vài ba nghìn người còn đợi trong các nhà giam xem số phận mình được quyết định ra sao.

Tôi sống gần nhà thờ Chợ Quán, trong một buồng liền vách với gian buồng của Anh Già. Một đêm tháng mười 1932, tôi thấy phía bên kia vách có tiếng lục đục đáng lo ngại : đó là bọn cớm của Sở Mật thám xông vào nhà anh bắt anh cùng với vợ là chị Mười (tên thật là Trần Thị Mười), một trong những người phụ nữ đối lập đầu tiên của đảng cộng sản năm 1931. Bọn cớm biến gian phòng của anh chị thành cái bẫy chuột. Tôi len lén rời bỏ nơi ở của tôi, nhưng tôi như bị gãy mất một bên cánh. Tôi mường tượng Anh Già và chị Mười trong tay bọn nhân viên tra tấn của Sở Mật thám. Trong khi tiến hành công việc hàng ngày, tôi ôn lại những lời được dặn dò trong trường hợp có bắt bớ. Ngày ngày trôi qua, tuần tuần trôi qua, tôi nghĩ đến lòng dũng cảm của hai anh chị, đến tất cả những gì hai anh chị đã phải cắn răng chịu đựng, không khai ra tôi, vì không thấy bọn cớm đến bắt tôi. Sau này tôi mới được biết chúng đã tra tấn Anh Già dã man đến như thế nào. Anh mất một thời gian dài đứng không nổi. Tôi không biết Hồ Hữu Tường, người đã dẫn dắt tôi vào con đường hoạt động, cũng bị bắt trong vụ bối ráp ấy. Khi vụ việc bị đem ra xử tôi mới được tin về các bạn tôi.

Anh Già là một trong 21 chiến sĩ phái Tả đối lập bị đưa ra toà xét xử ngày mồng 1 tháng năm 1933 ; da số còn rất trẻ. Anh

Già bị xử một năm tù giam, sau đó đi đập đá ở mỏ đá Châu Đốc. Những nhân vật chủ chốt Hồ Hữu Tường và Phan Văn Chánh – trừ Tạ Thu Thảo sẽ bị xét xử sau này –, những người "đi Tây về", bị kết án ba và bốn năm tù án treo. Các người khác thì lĩnh án từ bốn đến mười tám tháng tù, trừ Nguyễn Văn Thủ và Phạm Văn Đông (khi bị bắt, Đông đã cầm dao cưa cổ mình) phải lĩnh án người bốn, người năm năm, kèm theo người hai mươi năm, người mươi năm cầm cư trú vì tội có súng lục. Đông sẽ bỏ xác ở nhà tù Côn Đảo. Chị Mười được tha bổng. Nói vậy, nhưng sau những đòn tra tấn ở Sở Mật thám, chị vẫn chẳng sợ và lại tiếp tục tranh đấu. Chính chị vào năm 1935 đã tán phát trong các giới phái Stalin nông thôn truyền đơn báo chí bí mật của Phe tả đối lập chúng tôi.

Ngày mồng 3 tháng năm 1933 đã diễn ra phiên tòa khổng lồ xử 121 người của đảng cộng sản. Những người bị bắt, tay đeo còng và xích vào với nhau bằng những sợi xích sắt, đi dọc qua phố Lagrandière dẫn đến tòa án giữa những tiếng gọi, tiếng kêu khóc của cha mẹ vợ con bị bọn cảnh sát xô đẩy. Xung quanh tòa án đầy những cảnh binh và lính tráng với những khẩu mút cốt tông cầm sẵn lưỡi lê.

Đó là hồi chót của tấn bi kịch nông dân những năm 1930-1931 ở Nam Kỳ mà các diễn viên nam nữ đa số xuất thân từ đám dân nghèo đồng ruộng, nhưng cũng có cả dân culi, thợ in, thợ điện, giáo học, viên chức, lính tập, đứng đầu phong trào là một nhúm những người cách mạng chuyên nghiệp "từ Mátxcova và Quảng Châu về".

Tòa án kết tội cả khối về tội "hội kín, âm mưu chống lại an ninh quốc gia, hành động côn đồ", tuyên truyền bằng truyền đơn báo chí, thành lập bất hợp pháp công hội và nông hội, tổ chức những cuộc biểu tình của dân nghèo đòi giảm thuế

vào năm 1930... cùng với việc lấy cắp vũ khí ở trại lính Ô Ma vào năm 1929, giết hại ba viên hào lý làm tay sai chỉ điểm và một viên cảnh sát trong một vụ bạo động ở Nhà Bè vào năm 1930, và cuối cùng là tấn công một sàlup chở hàng ở Mỹ Tho. Tiến hành bừa bãi trong năm ngày, vụ xử kết thúc ngày mồng 7 tháng năm trước rạng sáng, tuyên án tử hình tám người, chín mươi tám người bị đi đày, trong đó có mười chín người chung thân. Trong số đó có một ông già tám mươi chín tuổi.

Phong trào nông dân bị mất người cầm đầu, những người cựu "đi Tây về" – Nguyễn Văn Tạo, cộng sản phái Stalin, Tạ Thu Thủ, Phan Văn Chánh, Huỳnh Văn Phương, cộng sản phái đối lập, những người cảm tình của họ là Trần Văn Thạch và Lê Văn Thủ, kể cả người theo chủ nghĩa vô chính phủ Trịnh Hưng Ngẫu, tập hợp lại sau người đàn anh Nguyễn An Ninh, vào dịp bầu cử hội đồng thành phố Sài Gòn vào tháng tư và tháng năm 1933, đứng ra đối đầu hợp pháp với chính quyền thuộc địa. Họ tung ra một tờ báo bằng tiếng Pháp, tờ *La Lutte* (mọi xuất bản phẩm bằng tiếng Việt đều phải có giấy phép). Thế là hai khuynh hướng cộng sản (Stalinit và Trotskit) đã lập mặt trận với nhau trong nội bộ tờ *La Lutte* vào năm 1933. Cuộc liên minh duy nhất ấy – vào đúng lúc Stalin và các đảng cộng sản đi theo ông ta đang tróc nã ở Liên Xô và khắp các nơi khác, bất cứ ai dù chỉ bị nghi ngờ một tí là "Trotskit" – ấy vậy mà kéo dài được gần ba năm. Trong cuộc đấu tranh chung chống lại những kẻ thù trước mắt, chính quyền thuộc địa và đảng Lập hiến, các người phái Stalin và Trotskit sẽ cùng nhau làm một tờ báo bảo vệ quyền lợi công nhân, cu li và nông dân. Nguyễn An Ninh thực sự là linh hồn của tờ báo. Nhờ một màng lưới thông tin viên sắp đặt đúng nơi đúng chỗ, hàng

AVIS DE RECHERCHES

Sont recherchés et à conduire à la disposition de l'autorité compétente ou à celle du Chef local des Services de Police en Cochinchine, à Saigon :

★ 13153. — ĐÀO-HƯNG-LONG dit HAI LONG dit TU LONG dit THIỀN dit Thầy BA dit Anh BA dit ĐƠN dit TÔ-LIÊN dit Ông ĐỒ, ancien commissaire des chaloupes « Đồng-Sanh », « Đồng-



Phát » et « Vinh-Thuận », âgé de 23 ans, né à Phươn-g-Long (Rachgia), inculpé de participation : 1% à l'attentat, commis en Novembre 1931 à Tân-Thạnh (Bacliêu), sur la famille du linh Trần-văn-Chuối ;

2/ à la tentative d'extorsion de fonds, commise le 25 Août 1930 à Saigon, au préjudice du Docteur Trần-ngọc-An.

Signalement : taille moyenne, corpulence faible, cheveux coupés à la manille. Marque particulière : une incisive aurifiée ou argentée à la mâchoire supérieure, entre 2dents manquantes.

Renseignements : connaît très bien les caractères chinois, — exerce actuellement le métier de peintre.

★ 13154. — PHAN-VĂN-HAI dit SƠN dit TRÍ dit HẬU dit NHUNG dit HAI dit NHƯỢNG, né en 1911 à Xóm-Chiếu (Saigon), de feu Phan-văn-Nhiều et de Trương-thị-To, déjà arrêté à diver-



ses reprises pour menées communistes et libéré faute de preuves.

Signalement : taille 1^m64. Marque particulière : nævus à 5^{cm} en arrière de l'angle externe de l'œil gauche.

Prière de prescrire des recherches actives en vue de découvrir ces deux individus qui sont membres de premier plan du parti trotskyste.

EXÉCUTION DE MANDATS DE JUSTICE

13155. — THỊ-DẬU dite THỊ-SÁU, — figure au Bulletin N° 134, signal. 11653, — inculpée de recel de produits provenant d'un vol qualifié commis au préjudice de Lê-văn-Thông.

Mandat d'arrêt N° 6950 R. P. de M. NOEL, Juge d'Instruction à Saigon, en date du 18 Août 1932.

Tờ tập nã chiến sĩ trotskít

tuần tờ *La Lutte* tập hợp những tin tức và cứ liệu mà nó thu thập được về đời sống của giới lao động, nơi công nhân (bãi công, hoạt động công đoàn, tiền lương, tai nạn lao động...), nơi nông dân (địa chủ bóc lột, cường hào nhũng nhiễu, thực dân tàn bạo), về sự độc đoán và lạm quyền của cơ quan nhà nước, về chuyên tra tấn ở Sở Mật thám, về những hành động thô bạo của cảnh sát, về các vụ xét xử của tòa án. Về phần tôi, tôi đã gửi được đến tòa báo những tiếng vang của phong trào tại các đồn điền cao su.

Danh sách ứng cử viên lao động do Nguyễn Văn Tạo và Trần Văn Thạch đứng đầu. Tôi đã dự những cuộc mítinh diễn ra trong tháng tư 1933 ở rạp hát Thành Xương đây ấp dân nghèo Sài Gòn và nhan nhản bọn cớm của Sở Mật thám. Cử tọa nồng nhiệt đã bầu bằng giơ tay để Nguyễn An Ninh chủ tọa cuộc họp mặt. Chính nhờ đó mà cuối cùng tôi cũng đã biết được mặt con người mà cuộc đời tranh đấu đã làm tôi say mê từ những năm 1928-1929. Bên ông ta là Tạ Thu Thủ và Trần Văn Ân.

Lần đầu tiên, anh em công nhân và culi được công khai nghe Trần Văn Thạch phát biểu công khai về quyền lập công đoàn, quyền đình công, về chế độ ngày làm tám giờ, về phổ thông đầu phiếu... Những tiếng cấm kỵ (công hội, tư bản, vô sản, bãi công, giai cấp đấu tranh) trước đây chỉ lén lút được đọc trong những tờ truyền đơn báo chí bí mật. Để có đủ tiền nộp số tiền khá lớn mà mọi ứng cử viên phải nộp để có quyền ứng cử, Tạo đã mở một quán bia nhỏ ở Chợ Cũ. Tối nào tôi cũng kéo các bạn cùng sở đến đó uống bia. Ngày mồng 7 tháng năm 1933, Nguyễn Văn Tạo và Trần Văn Thạch được bầu vào Hội đồng thành phố Sài Gòn. Có lẽ nhiều anh em chúng tôi

đã cảm thấy rất phấn khởi trước sự thách thức đó đối với cái xã hội thực dân kiêu căng ngạo mạn – việc có hai người trong "danh sách công nhân" tham gia Hội đồng thành phố Sài Gòn. Tạo và Thạch cố hết sức, trong phạm vi có thể cố được, làm phát ngôn nhân cho những người cùng định tại Hội đồng thành phố trong ba tháng, cho đến khi chính quyền thực dân hủy bỏ kết quả được bầu của họ.

Đầu tháng chín mở ra một phiên tòa thứ ba xử cộng sản. Trong số khoảng sáu chục người bị bắt vì tội danh tái lập đảng, có Lư Sanh Hạnh, một người bất đồng với đảng, có quan hệ với phái Tả đối lập Trotskit vào năm 1932. Tôi dự những buổi nói chuyện của Tạ Thu Thảo và Phan Văn Hùm về phép biện chứng tại Hội Khuyến học, một đề tài mặc dầu hóc búa nhưng trong cái thời buổi sôi sục ấy đã làm nức lòng vô số thanh niên, viên chức, công nhân, thày giáo. Dưới sức ép của Sở Mật thám, chẳng bao lâu sau, Hội đã cấm cửa các anh bạn ta.

Qua tờ *La Dépêche d'Indochine*, tôi được tin tinh thần nổi loạn đã lan cả lên vùng rừng núi. Người Thượng vùng núi Bà Rá, không chịu khuất phục "nền văn minh", đã thủ tiêu người đại diện hành chính. Cảnh lính tráng đốt sạch nhà sàn nương rẫy của dân làng. Những người dân miền thượng cứng đầu cứng cổ khác, dân Mnông, phản ứng lại kế hoạch "bình định" vùng cao Chulong, đã tấn công các đồn binh gây cho quân lính thuộc địa tàn bạo những tổn thất đáng kể.

Năm 1934, tôi kiếm được một bài kể chuyện của Tạ Thu Thảo *Ba tháng ở Sở Mật thám phố Catinat*. Thủ kê những chuyện đã diễn ra trong cái tòa nhà Sở Mật thám ngay trên đường phố đẹp nhất và nhộn nhịp nhất của Sài Gòn. Một buổi tối nọ, một tên cớm đến lôi ông ta ở trong xà lim ra để đưa tới

phòng tra tấn ở tầng cao nhất. Hắn thốt lên: "A, thằng cha này nom đùi, chịu được đòn dây!"

Thâu gào hét lên. Viên chánh mật thám Lacombe bước vào, bảo đảm với Thâu là ông sẽ không bị ngược đãi. Quả có thể. Lamcombe muốn để cho Thâu bị các đồng chí của mình tố cáo thì hơn, và những người này đã bị tra tấn liên hồi. Ở trong xà lim của mình, Thâu tìm cách bắt liên lạc với các anh em khác. Anh nhón góit lên nhìn qua lỗ rình thông hơi nhỏ để theo dõi bọn lính gác, rồi nằm bẹp dí xuống sàn xi măng, lúc thì ghé mồm, lúc thì ghé tai vào khe cửa. Bằng cách đó, anh đã bắt quen với anh thanh niên Hoàng có giọng nói dịu dàng và yếu. Một buổi tối, Hoàng bị tra tấn dã man quá, đã gọi Thâu: "Anh ơi! Em chịu không nổi nữa rồi... Mai chúng nó lại tiếp tục. Em muốn chết ngay đêm nay cho xong đi". Từ đây tâm can mình, Thâu van anh đừng mất tinh thần. Một lát sau, Thâu nghe thấy một tiếng động nặng ịch, rồi tất cả im ắng. Sáng hôm sau, bọn cớm vào, thấy Hoàng vẫn còn sống; chúng để Hoàng nằm tràn truồng trong xà lim suốt hai tháng, chân xỏ vào cùm. Đêm đêm, Thâu nghe thấy tiếng cùm sắt của Hoàng khẽ loảng xoảng.

Một đêm khác, lại những tiếng rên rỉ ghê người. Bọn cớm khiêng một người phụ nữ trả về xà lim. Thâu cố tìm cách nói chuyện với chị Mỹ, nhưng chị đau quá, không trò chuyện nổi. Hôm sau, chị bị chuyển sang Khám Lớn, rồi sang nhà thương Chợ Quán. Ít lâu sau chị chết sau khi ra tù.

Có một số đêm, từ xà lim của mình, Thâu nghe thấy cứ hai giờ một, chúng lại đưa đi tra tấn các đồng chí Bé, Thường và Đông.



*Một bầu thế giới mènh mong,
Dành riêng cho kẻ bênh bõng phiêu lưu.
Nguyễn An Ninh*

Đọc "Sài Gòn-Thượng Hải- Hoàn Tân" (Saigon-Shanghai -Osaka), câu chuyện của một nhà báo xin được vào làm bồi trên một con tàu của hãng Messageries maritimes tôi đã bị kích thích mạnh, muốn đi đó đi đây, và tôi mơ đến một ngày nào đó tôi cũng sẽ "đi Tây" bằng cách như thế. Nhiều lần, vào buổi chiều, tan tầm làm việc – cửa hàng Descours et Cabaud mở ngay trên ke – tôi ra ngồi trên một tấm ghế ngay trên bờ sông, gần cột cờ Thủ ngữ, nhìn tàu bè đi lại trên bến và tôi lo rằng với thời gian trôi qua, mơ ước của tôi cũng sẽ tan đi như những cuộn khói bốc lên từ những ống khói tàu.

Thế nhưng, một buổi nọ, tại xóm nhà lá cạnh bến cảng, tôi đã bắt liên lạc được với vợ của cai Ty, một người phụ trách bộ phận giặt giũ quần áo trên tàu *Aramis*. Tôi đã phải chi ra 50 đồng, cả một tháng lương của tôi, để cai Ty giới thiệu tôi với sếp của hắn. Lão sếp dẫn tôi đến Sở tuyển mộ hàng hải để xin cuốn sổ hàng hải người nào cũng phải có, trong đó tôi phải điền chỉ đủ mười đầu ngón tay và người ta ghi rõ những đặc điểm nhận diện của tôi... Và thế là tôi được tuyển mộ vào đội giặt ủi của tàu *Aramis*, chiếc tàu biển động cơ diesel đầu tiên của hãng Messageries maritimes. Tôi ra đi, chẳng báo gì cho ai, kể cả gia đình, bạn bè và nơi tôi đang làm việc, chỉ báo riêng cho Hồ Hữu Tường, người bạn hoạt động bí mật cùng với tôi. Tường cho tôi địa chỉ một anh bạn Trotskit ở Paris.

Tàu nhổ neo ở Sài Gòn vào ngày mồng 3 tháng ba 1934. Đội giặt ủi gồm mươi anh em quê ở Trung Kỳ và Bắc Kỳ, trừ Ty và tôi quê ở Nam Kỳ. Tôi được phân công ủi khăn trải giường. Chúng tôi làm việc ở phía đuôi tàu, ngủ trong hầm tàu trên những tấm phản xếp thành hàng. Người Tàu Quảng Châu, chuyên về công việc nhà bếp, và người Tàu Thượng Hải, chuyên về máy móc, ngủ ở những phòng riêng. Người Ý làm công việc hâu phòng, và chúng tôi chẳng mấy khi gặp họ. Phía bên trên phòng ngủ của các người Quảng Châu có câu ngạn ngữ chữ Hán viết trên vải trắng: *Bằng hữu như vân* (bạn bè như mây trên trời). Bên trong phòng ngủ tối tăm người nằm ngổn ngang, le lói mấy ngọn đèn dầu lạc của dân hút thuốc phiện.

Tại Ấn Độ Dương, sóng biển lắc mạnh con tàu, lắc ngang lắc dọc, làm tôi nôn nao cả người. Không thể đứng được mà không lộn mửa. Tôi bỏ công việc, xuống hầm nằm sóng soài. Thấy tôi bỏ việc, các bạn không hài lòng, xuống lôi tôi dậy. Cuối cùng tôi được giao cho công việc gấp quần áo.

Có những ngày biển lặng đến nỗi, như các bạn Bắc Kỳ nói, biển thả đĩa không chìm. Cá bay, cá heo nhảy tung tung trước mũi tàu chúng tôi. Sau một tuần lễ dài dằng dặc trên Ấn Độ Dương, tàu *Aramis* thả neo ở Djibouti, một thành phố khô cằn và những tòa nhà thấp với những xóm ổ chuột bọc quanh. Không một ngọn cây... Người ta nói rằng bọn thực dân tránh nắng dưới những bóng cây dừa bằng kẽm nhập từ Pháp. Hồng Hải, những dãy núi đen, trần trụi khô cằn, rồi Suez. Con tàu từ từ tiến qua kênh đào hai bên bờ là sa mạc, với những bóng lục lững thững bước trên những đụn cát. Cảng Port-Said và những người lái buôn ả-rập bám chót vót trên ngọn cột buồm các con thuyền bồng bềnh của họ, rồi hấp! họ nhảy một phát lên boong tàu buôn bán cái gì đó với đám thủy thủ.

Đêm đã xuống khi tàu qua eo biển Messine với những lớp sóng cồn đáng sợ, và lần đầu tiên tôi được trông thấy núi lửa : ngọn Stromboli đang nhả khói trên nền trời đen. Rốt cuộc chúng tôi tới Marseille, cuộc hành trình đã kéo dài ba tuần lễ.

Vịnh La Joliette. Tôi lấy làm ngạc nhiên trước cảnh nhộn nhịp của bến cảng với những người đàn ông đàn bà bước đi hối hả nẹn gót giày cộp cộp cộp... Tôi thấy mình đang ở một nơi khác, một thế giới khác ở đó cuộc sống có vẻ hối hả vội vàng.

Nhưng đến đây tôi mới biết mình ra đi chẳng được cái tích sự gì. Trong lúc ra đi vội vã, tôi không biết rằng lương chỉ được trả khi quay về bến xuất phát. Paris bỗng dung trở thành xa vời. Đó là một đòn nặng nề đối với tôi. Thôi chỉ còn đành lang thang ở đây suốt ba tuần rồi lại lên đường trở về. Tàu *Aramis* được giải trang bị và đưa lên cạn, các anh em trong kíp giặt của tôi chỉ về tàu vào giờ ăn để nhận xuất cơm và nước mắm. Đêm chúng tôi lại trở về phòng ngủ của mình.

Cuộc gặp gỡ đầu tiên của tôi là một người thợ cao tên là anh Tư Cạo. Mỗi lần có tàu đến, anh ta lại xách cái va-li thợ cao nhỏ của mình đến bến. Là người gốc Sài Gòn tuổi trung bình, anh hỏi tôi tin tức xứ sở. Anh cắt tóc cho tôi không lấy tiền, và tối xuống mời tôi đến một quán rượu ở cửa bến. Đứng bên quầy rượu, kề vai thích cánh với những người nồng nặc mùi mồ hôi của một ngày lao động, lần đầu tiên tôi được nhâm nháp một thứ rượu vang trắng pha chanh, nghe những lời khuyên khôn ngoan của Tư Cạo. Anh ta giới thiệu tôi với Hớn, một người bạn thân của anh có thời gian thỉnh thoảng hướng dẫn tôi đi chơi Marseille.

Nguyên là thủy thủ bỏ nghề lên bờ để buôn bán ma túy, Hớn là một người béo lùn mặt có vết hàn sâu, đầy nét phong

trân. Hình như anh ta đã ném mùi nhà lao. Anh sống vật vờ ở bến, đợi những người cung cấp hàng đến từ Constantinople hoặc từ châu Phi đen. Một số người Pháp ở Marseille nghiên thuốc phiện ghiền thuốc, ngóng rình Hớn. Tôi để ý thấy những ông bạn "nàng tiên nâu" này lén lút mò lên tàu *Aramis*, đến chỗ đám dân Quảng Châu mà phòng ngủ ngẫu nhiên biến thành ổ hút thuốc phiện.

Giữa hai chuyến tàu cập bến, Hớn sống bằng gì thì khó mà biết được. Bằng buôn bán lậu vật vãnh, quần áo vải xanh Thượng Hải, bật lửa Singapore trốn thuế... Hớn có biệt tài mang hàng qua mũi bọn nhà đoan.

Một đêm nọ, anh ta kéo tôi tới một xóm ổ chuột ở Vieux Port vẫn còn cái cầu cần cẩu. Hớn chui tọt vào một ổ chứa ngọt ngọt khói thuốc lá và đinh tai váng óc nhạc Jazz. Tôi đứng lại ngoài cửa. Một cô gái rất xinh đẹp từ trong nhà chứa bước ra, miệng nhoẻn cười: "Anh ơi, đi với em nhé!" Bàn tay cô ta nắm lại, chỉ còn ngón trỏ móc cong ra hiệu gọi tôi đi theo cô ta đến chuồng chim bồ câu của cô. Hoảng quá, tôi cắm đầu cắm cổ chạy.

Tàu *Aramis* nhổ neo vào một buổi cuối chiều. Mẫu quốc xa dần như một miền đất hứa. Tôi về đến Sài Gòn ngày 13 tháng năm 1934. Đúng nơi tôi xuống tàu ra đi.



Tôi được vào làm việc trở lại ở Descours et Cabaud. Các sếp vặn vẹo hỏi tôi lý do sự biến mất của tôi, tôi trả lời họ cả tin những chuyện tâm phào mà tôi tạm bịa ra về sự biến dạng của tôi. Tôi trở về với món hàng kim khí của tôi và khôi phục

N° M^e S. 349

SIGNALLEMENT



Race Blanc caucasien Taille 1 m. 81

Confort générale

Tête ovalée Teint jaune

Cheveux châtain moyen Barbe

Front inclinaison forte

Sourcils droits Yeux brun

Nerf des Mollusques légère Hypothèse inconnue

Oreilles ovalées

Menton large Cou normal

Allure générale

Marques

I. Naevus à "partie" Particularités
les deux et au niveau gauche face
per trichium

II. Le nævus circulaire rectiligne de 6 cm² obligé intérieur
au niveau de la poitrine
épaisseur de l'aile dont les pointes

III. Petit nævus à "partie" au-dessous et en avant de l'oreille
gauche

lại hoạt động của nhóm ái hữu. Trong đám anh em, duy chỉ có anh culi Võ Văn Đơn là giác ngộ hoạt động xã hội. Tôi với anh ta sẽ gặp lại nhau trong các cuộc phiêu lưu sắp tới.

Tôi gặp lại Hồ Hữu Tường. Một hôm, Tường giới thiệu tôi với Lư Sanh Hạnh, một đảng viên cộng sản đối lập vừa mới ra tù. Ngày mồng 2 tháng năm 1935, một cú sét đánh ngang tai những kẻ cố cựu của trật tự đế quốc: Stalin ký với Laval "hiệp ước tương trợ Pháp – Xô"... và chính thức tuyên bố ủng hộ Pháp tăng cường sức mạnh quân sự. đảng Cộng sản Pháp sẽ phải ngoan ngoãn cố gắng dập tắt mọi xu hướng chống chủ nghĩa quân phiệt và tán thành giữ toàn vẹn đất đai đế quốc tam tài. Rồi dần dần đảng Cộng sản Đông Dương cũng sẽ phải di theo đường lối ấy rầm rắp, mặc cho nội bộ không tránh khỏi những sự chống đối. Tờ *La Lutte* – tờ báo cộng tác giữa các người phái Stalin và Trotskit – im hơi lặng tiếng. Đường lối chính trị mới áp đặt cho đảng Cộng sản Đông Dương làm cho một cuộc phê phán triệt để trở thành cấp bách. Các người Trotskit hợp pháp bị trói buộc bởi giao kèo của họ lập mặt trận thống nhất với các người phái Stalin trong nhóm La Lutte. Cho nên, trước sự khuất phục ấy vào chủ nghĩa quốc gia Stalin, Lư Sanh Hạnh và tôi quyết định cùng với một đồng chí khác tên là Trịnh Văn Lâu, thành lập "Chính đoàn cộng sản quốc tế chủ nghĩa, phái tán thành Đệ tứ Quốc tế".

Chúng tôi lo ngại rằng ở nước ta, chủ nghĩa quốc gia chiến thắng chủ nghĩa đế quốc thực dân chỉ có nghĩa là sự ra đời của một giai cấp tư sản bản xứ, và hoàn cảnh của những người bị bóc lột vẫn chẳng có gì thay đổi cả.

Nếu công việc kiếm cơm trói buộc tôi ban ngày vào hang Descours et Cabaud thì ban đêm tôi dành cho việc, cùng với

một anh thợ in trẻ măng, dựng lên một cơ sở in thủ công bí mật với những phương tiện nhặt nhạnh. Tôi có học sáp chữ và chúng tôi đã đưa ra một tập sách lý luận nhỏ nhan đề *Cách mạng thường trực truyền đi bí mật*. Cuối năm 1935, nhóm chúng tôi tung ra tờ báo *Tiền Đạo* in rônêô.

Trước sự im lặng của tờ *La Lutte* đối với hiệp ước Laval-Stalin, ký trong tháng năm 1935, tờ báo bí mật *Tiền Đạo* của chúng tôi phản đối cuộc liên minh của Liên Xô với chủ nghĩa đế quốc Pháp.

Hành động thực tiễn đầu tiên của nhóm chúng tôi là ủng hộ cuộc đình công của các người lái xe thồ môt. Anh em lái xe ngựa chống lại quyết liệt những chuyện gây khó nhầm loại bỏ họ vì lợi ích của Công ty xe điện Pháp. Ngày 25 tháng chạp 1935 là ngày đình công hâu như toàn thể của họ. Ngày hôm sau, đại biểu của khoảng 3 000 người lái xe thồ môt của Sài Gòn-Chợ Lớn, của các xóm ngoại ô Bà Điểm, Phú Nhuận, Khánh Hội, Chợ Đũi và Chợ Quán biểu tình tại quảng trường Chợ Bến Thành, yêu cầu các dân biểu phái Stalin và Trotskit mới được bầu lại vào Hội đồng thành phố can thiệp.

Khủng bố diễn ra dữ dội. Sở Mật thám tiến hành lục soát trụ sở báo *La Lutte* và bắt đi Nguyễn Văn Tạo, Trần Văn Thạch và Dương Bạch Mai, cùng với Tạ Thu Thâu, tất cả vừa được bầu lại vào Hội đồng thành phố, vì tội danh xâm phạm quyền tự do lao động.

Chúng tôi bị theo dõi rát và phải di chuyển cơ sở in nhiều lần.

Ý đồ khôi phục lại đảng cộng sản ở Nam Kỳ bằng một nhóm những người trở về từ Mátxcơva với Trần Văn Giàu đứng đầu, không thành. Trong phiên xử 40 đảng viên cộng sản, 24 người bị kết án: hâu hết đã bị đày ra Côn Đảo.

Về phía chúng tôi, chúng tôi tiếp tục công việc hoạt động ngầm ở các cơ sở, bí mật tán phát tờ *Tiền Đạo* và tập *Cách mạng thường trực* của chúng tôi, kể cả trong các giới Stalin.

Rồi tháng sáu 1936 tới. Những tin tức bùng nổ đến với chúng tôi từ Pháp. Vào lúc ra đời của chính phủ Mặt trận bình dân do Léon Blum đứng đầu và được đảng cộng sản ủng hộ, công nhân mẫu quốc đình công khắp nơi, và ở đâu cũng chiếm đóng nhà máy. Phải chăng thời buổi của hy vọng cuối cùng rồi cũng sẽ đến với cả chúng ta nữa, những người nô lệ thuộc địa ? Chính đoàn cộng sản quốc tế chủ nghĩa của chúng tôi quyết định kêu gọi anh chị em lao lên thoát ra khỏi địa ngục.

Đúng vào lúc chúng tôi bước vào hành động thì trụ cốt nhóm chúng tôi sa vào tay Sở Mật thám, vào ngày thứ tư mồng 10 tháng sáu 1936.